

UBND HUYỆN TIỀN LÃNG
TRƯỜNG TIỂU HỌC
TOÀN THẮNG - TIỀN THẮNG

Số: 31/BC -THTT-TT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Toàn Thắng, ngày 10 tháng 10 năm 2024

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm: 2024

(Kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục: Trường Tiểu học Toàn Thắng - Tiên Thắng

2. Địa chỉ: Thôn Đông Quy - Xã Toàn Thắng - Huyện Tiên Lãng - TP Hải Phòng

Điện thoại: 02253883466

Website: <https://thtoanthang.haiphong.edu.vn/>

3. Loại hình: Trường Tiểu học công lập.

Cơ quan quản lý trực tiếp: Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Tiên Lãng.

4. Sứ mệnh, Tầm nhìn, Mục tiêu.

Sứ mệnh: Tạo dựng môi trường thân thiện, hợp tác, chia sẻ cùng tiến bộ, năng động, sáng tạo, có trách nhiệm và chất lượng cao.

Tầm nhìn: Có uy tín giáo dục đối với cha mẹ học sinh, cộng đồng xã hội, học sinh được phát triển trong môi trường thân thiện, hiện đại.

Hệ thống giá trị cơ bản: Đoàn kết, chia sẻ, nhân ái, trung thực; Kỷ cương, nền nếp, văn minh; Sáng tạo, chủ động, thích ứng; Hội nhập, khát vọng vươn lên.

Mục tiêu chung: Xây dựng thương hiệu nhà trường, có uy tín và ổn định về chất lượng giáo dục; từng bước phấn đấu theo mô hình giáo dục hiện đại, tiên tiến phù hợp với xu thế phát triển của đất nước và thời đại.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục.

- Lịch sử hình thành: Trường Tiểu học Toàn Thắng - Tiên Thắng được thành lập từ ngày 01/7/2023, tháng 6 năm 2023 trường Tiểu học Toàn Thắng được sáp nhập với trường Tiểu học Tiên Thắng và mang tên trường Tiểu học Toàn Thắng - Tiên Thắng theo Quyết định số 1893/QĐ-UBND ngày 07/6/2023 của Ủy ban Nhân dân huyện Tiên Lãng.

- Trường Tiểu học Toàn Thắng - Tiên Thắng là trường công lập do UBND huyện Tiên Lãng thành lập, đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, đảm bảo kinh phí cho các nhiệm vụ chi thường xuyên, là cơ sở giáo dục phổ thông của hệ thống giáo dục quốc dân, có tư cách pháp nhân, có tài khoản và con dấu riêng; thực hiện chương trình GD tiểu học do Bộ GD&ĐT ban hành trên địa bàn xã Toàn Thắng, xã Tiên Thắng.

- Là một trường mới được sáp nhập nhưng nhà trường đã không ngừng vươn lên và phát triển ổn định, có những bước tiến vững chắc. Nhân dân nơi đây có truyền thống

hiếu học, truyền thống này luôn được phát huy. Đảng và chính quyền địa phương coi trọng, chăm lo cho sự nghiệp giáo dục đào tạo. Cơ sở vật chất đã được đầu tư xây dựng theo hướng kiên cố, hiện đại cơ bản đủ điều kiện đạt chuẩn Quốc gia mức độ 2. Đội ngũ CBGV, NV nhiệt tình, năng động, chuyên môn vững vàng, 100% GV có trình độ đào tạo đạt chuẩn theo Luật Giáo dục 2019.

- Hàng năm, huy động 100% học sinh 6 tuổi vào lớp; tỷ lệ học sinh 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt trên 97%. Công tác phổ cập giáo dục xóa mù chữ đạt mức độ 2, Phổ cập giáo dục tiểu học đạt mức độ 3. Chất lượng giáo dục của nhà trường ngày được nâng lên. Các tổ chức Đảng, Công đoàn, Liên Đội trong nhà trường phối hợp nhịp nhàng hoạt động theo đúng chức năng nhiệm vụ, đạt hiệu quả cao. Chi bộ liên tục được đánh giá Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; Công đoàn đạt vững mạnh; Liên đội vững mạnh.

- Với kết quả đạt được, nhiều năm học, nhà trường được công nhận đạt Tập thể Lao động tiên tiến được Ủy ban Nhân dân huyện tặng giấy khen. Đặc biệt năm học 2023 – 2024 trường được xếp thứ 5/21 trường Tiểu học trong toàn huyện và được tôn vinh tập thể Lao động xuất sắc.

6. Thông tin người đại diện pháp luật

Người đại diện pháp luật: Nguyễn Phương Vĩ

Chức vụ: Hiệu trưởng

Địa chỉ nơi làm việc: Thôn Đông Quy- Xã Toàn Thắng - Tiên Thắng huyện Tiên Lãng TP Hải Phòng

Số điện thoại: 0762372134

7. Tổ chức bộ máy

a. Quyết định thành lập trường

Trường Tiểu học Toàn Thắng - Tiên Thắng được thành lập từ ngày 01/7/2023 theo theo Quyết định số 1893/QĐ-UBND ngày 07/6/2023 của Ủy ban Nhân dân huyện Tiên Lãng.

b. Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường

Quyết định số 3058 /QĐ-UBND ngày 06/9 /2023 của UBND huyện Tiên Lãng Về việc thành lập Hội đồng trường Trường TH Toàn Thắng - Tiên Thắng

Stt	Họ và tên	Chức vụ hiện giữ	Ghi chú
1	Nguyễn Đức Biễn	Bí thư chi bộ, Hiệu trưởng	Chủ tịch HĐ
2	Nguyễn Văn Hậu	Phó bí thư chi bộ, PHT	Phó CT Hội đồng
3	Ngô Văn Hưng	Phó Hiệu trưởng, CTCĐ	Phó CT Hội đồng
4	Ngô Thị Ngân	Tổ trưởng Tổ văn phòng	Thư ký Hội đồng
5	Đoàn Thị Vân Anh	Tổ trưởng Khối 3	Thành viên
6	Nguyễn Văn Uân	Tổ trưởng Khối 4	Thành viên
7	Nguyễn Thị Hồng	Tổ trưởng Khối 5	Thành viên

8	Lương Thị Thanh	Bí thư Chi đoàn trường	Thành viên
9	Vũ Thị Hằng	Tổng phụ trách Đội	Thành viên
10	Ông Vũ Văn Bản	PCT- UBND xã Toàn Thắng	Thành viên
11	Phạm Hồng Huý	Trưởng ban ĐD Hội CMHS trường	Thành viên

Danh sách Hội đồng trường: (DS được điều chỉnh và đề xuất cấp trên từ ngày 02/10/ 2024 do công tác điều động, luân chuyển CBQL, GV của UBND huyện, phòng Nội vụ...)

Stt	Họ và tên	Chức vụ hiện giữ	Ghi chú
1	Nguyễn Phụng Vĩ	Bí thư chi bộ, Hiệu trưởng	Chủ tịch HĐ
2	Ngô Văn Tường	Phó Hiệu trưởng, CTCD	Phó CT Hội đồng
3	Nguyễn Văn Hậu	Phó bí thư chi bộ, PHT	Phó CT Hội đồng
4	Đoàn Thị Vân Anh	Tổ trưởng Khối 3	Thư ký Hội đồng
5	Nguyễn Văn Uân	Tổ trưởng Khối 4	Thành viên
6	Nguyễn Thị Hồng	Tổ trưởng Khối 5	Thành viên
7	Nguyễn Thị Hà	Nhân viên kế toán-Tổ trưởng tổ VP	Thành viên
8	Phạm Thị Vân	Bí thư Chi đoàn trường	Thành viên
9	Vũ Thị Hằng	Tổng phụ trách Đội	Thành viên
10	Ông Vũ Văn Bản	PCT- UBND xã Toàn Thắng	Thành viên
11	Phạm Hồng Huý	Trưởng ban ĐD Hội CMHS trường	Thành viên

c. Thông tin Hiệu trưởng cơ sở giáo dục Quyết định bổ nhiệm lại Hiệu trưởng:

Quyết định số 2826/QĐ-UBND ngày 26/9/2024 của UBND huyện Tiên Lãng Về việc bổ nhiệm chức vụ Hiệu trưởng trường Tiểu học Toàn Thắng - Tiên Thắng.

d. Quy chế tổ chức và hoạt động:

- Cơ chế hoạt động của trường Tiểu học Toàn Thắng - Tiên Thắng:

Xây dựng quy hoạch phát triển nhà trường; xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch nhiệm vụ năm học; Kế hoạch giáo dục theo chương trình GDPT 2018; báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện trước Hội đồng trường và các cấp có thẩm quyền;

Thành lập các tổ chuyên môn, tổ văn phòng và các hội đồng tư vấn trong nhà trường; bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó; đề xuất các thành viên của Hội đồng trường trình cấp có thẩm quyền quyết định; Quản lý giáo viên, nhân viên; quản lý chuyên môn; phân công công tác, kiểm tra, đánh giá xếp loại giáo viên, nhân viên; thực hiện công tác khen thưởng, kỉ luật đối với giáo viên, nhân viên; ký hợp đồng lao động với giáo viên, nhân viên sau khi có phê duyệt của các cơ quan có thẩm quyền; đề nghị tiếp nhận, điều động giáo viên, nhân viên theo quy định của Nhà nước;

Quản lý học sinh và các hoạt động của học sinh do nhà trường tổ chức; xét duyệt kết quả đánh giá, xếp loại học sinh, ký xác nhận học bạ, quyết định khen thưởng, kỷ luật học sinh;

Quản lý tài chính, tài sản của nhà trường; thực hiện các chế độ chính sách của Nhà

nước đối với giáo viên, nhân viên, học sinh; tổ chức thực hiện quy chế dân chủ trong hoạt động của nhà trường; thực hiện công tác xã hội hoá giáo dục của nhà trường; Chỉ đạo thực hiện các phong trào thi đua, các cuộc vận động của ngành; Công khai mục tiêu, nội dung các hoạt động giáo dục, nguồn lực và tài chính, kết quả đánh giá chất lượng giáo dục.

- Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn:

Trường Tiểu học Toàn Thắng - Tiên Thắng là cơ sở giáo dục phổ thông (GDPT) của hệ thống GD quốc dân, cung cấp dịch vụ GD công lập, là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Phòng GD&ĐT huyện Tiên Lãng.

Xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển nhà trường gắn với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương; xác định tầm nhìn, sứ mệnh, các giá trị cốt lõi về GD, văn hóa, lịch sử và truyền thống của nhà trường.

Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục (KHGD) của nhà trường theo chương trình GDPT 2018 do Bộ GD&ĐT ban hành. Phối hợp với gia đình học sinh (HS), tổ chức và cá nhân trong các HĐGD.

Tuyển sinh, tiếp nhận và quản lý HS theo quy định của Bộ GD&ĐT.

Thực hiện kế hoạch phổ cập GD trong phạm vi được phân công.

Tổ chức cho GV, nhân viên (NV), HS tham gia các hoạt động xã hội.

Quản lý GV, NV theo quy định của pháp luật.

Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực cho hoạt động giáo dục (HĐGD) theo quy định của pháp luật.

Quản lý, sử dụng và bảo quản cơ sở vật chất (CSVC), trang thiết bị theo quy định của pháp luật.

Thực hiện các hoạt động về bảo đảm chất lượng GD, đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định của Bộ GD&ĐT.

Thực hiện công khai về cam kết chất lượng GD, các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục và thu, chi tài chính theo quy định của pháp luật.

Thực hiện dân chủ, trách nhiệm giải trình của cơ sở GD trong quản lý các HĐGD); bảo đảm việc tham gia của HS, gia đình và xã hội trong quản lý các HĐGD theo quy định của pháp luật.

Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định của pháp luật.

Sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục

- + 01 Hội đồng trường với 11 thành viên.
- + 01 Hiệu trưởng và 02 phó Hiệu trưởng.
- + 01 Hội đồng thi đua khen thưởng.
- + Hội đồng kỷ luật (thành lập khi xử lý kỷ luật theo Điều lệ nhà trường).
- + Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có: 01 chi bộ gồm 33 đảng viên.
- + Tổ chức Công đoàn có 48 công đoàn viên.
- + Tổ chức Đoàn đội: có 17 lớp sao nhi đồng và 13 chi đội.

+ Ban đại diện CMHS nhà trường: Gồm 3 thành viên và Ban đại diện cha mẹ học sinh các lớp.

+ Biên chế số tổ (06 tổ) Trong đó: 05 tổ chuyên môn (Tổ 1-5), 1 tổ văn phòng.

e) Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo nhà trường:

1. Nguyễn Phương Vĩ - Hiệu trưởng – SĐT: 0762372134

Email: hoaphuong2512@gmail.com

2. Ngô Văn Tường – Phó hiệu trưởng – SĐT: 0339563269

Email: ngovantuongtttl@gmail.com

3. Nguyễn Văn Hậu – Phó hiệu trưởng – SĐT: 0982264413

Email: hauphuong@gmail.com

8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục

Chiến lược phát triển nhà trường: Kế hoạch số /KH-THTT-TT ngày /09/2023 kế hoạch rà soát, bổ sung, chỉnh sửa chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2021-2025 và tầm nhìn đến năm 2030.

Quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục: Quyết định số /QĐ-THTT-TT ngày /10/2023 về việc Về việc Ban hành Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của nhà trường” Năm học: 2023-2024.

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

1. Thông tin về đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên (chia theo nhóm vị trí việc làm và trình độ đào tạo)

STT	Nội dung	TS	Trình độ đào tạo			Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp		
			ĐH	CĐ	Khác	IV	III	II	T	K	TB
Tổng số GV, CBQL, NV		48	46	0	2						
I	CBQL	3	3					3	3		
1	Hiệu trưởng	1	1					1	1		
2	Phó HT	2	2					2	2		
II	Giáo viên	41	41	0		1	18	25			
1	GVCN	30	30	0		1	13	20			
2	Âm nhạc	2	2				1	1			
3	Mỹ Thuật	2	2				1	1			

4	Ngoại ngữ	3	3				2	1		1	
5	Dạy Tin học	1	1	0			1			1	
6	Dạy các môn	3	1	1		2		2		2	
III	Nhân viên	4	2		2					2	
1	Kế toán	1	1							1	
2	Thư viện, TQ	1	1			0				1	
3	Bảo vệ	2			2					1	

2. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp

Hiệu trưởng: Phòng GD&ĐT đánh giá : Tốt

Tổng số giáo viên và phó hiệu trưởng: 43 Trong đó tốt 39 đ/c; Khá 4 đ/c

3. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hàng năm theo quy định.

- Hoàn thành BDTX: $44/44 = 100\%$. trong đó BGH: 03, GV: 41, Nhân viên: 0.

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

1. Diện tích

Tổng diện tích của nhà trường là 18318 m² Trong đó tại trung tâm 4073 m²/334 học sinh; tại điểm trường 14245 m²/602 học sinh, Diện tích bình quân: 19,57m²/1 học sinh . Diện tích sân chơi: 8000m², diện tích sân tập thể dục thể thao là: 1000 m². Bình quân diện tích sân chơi và sân tập đạt 9,6m²/ học sinh. Sân tập bằng cát cỏ đảm bảo an toàn cho học sinh tập luyện. Trường có diện tích trồng cây xanh là 1000m².

2. Các hạng mục công trình

Các chỉ số đánh giá về cơ sở vật chất	Các hạng mục công trình	Số lượng			
		Tổng số	Kiên cố	Bán kiên cố	Nhờ, mượn tạm
1	Khối phòng học tập				
1.1	Phòng học	30	29	1	
1.2	Phòng học bộ môn Âm nhạc	1	1	0	
1.3	Phòng học bộ môn Mỹ thuật	1	1	0	
1.4	Phòng học bộ môn KH - công nghệ	1	1	0	

1.5	Phòng học bộ môn Tin học	2	2	0	
1.6	Phòng học bộ môn Tiếng Anh	1	1	0	
2	Khối phòng hỗ trợ học tập			0	
2.1	Thư viện	2	2	0	
2.2	Phòng thiết bị giáo dục	0	0	0	
2.3	Phòng tư vấn học đường và hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập	0	0		
2.4	Phòng Đội Thiếu niên	2	2		
2.5	Phòng truyền thống	0	0		
3	Khối phụ trợ				
3.1	Phòng họp	1	1		
3.2	Phòng Y tế trường học	1	1		
3.3	Nhà kho	2	1	1	
3.4	Khu để xe học sinh	3		2	1
3.5	Khu vệ sinh học sinh	3	3		
3.6	Phòng giáo viên	2	2		
3.7	Phòng nghỉ giáo viên	0	0		
3.8	Nhà công vụ cho giáo viên	0	0	0	
4	Khu sân chơi, thể dục thể thao				
4.1	Sân trường	2			
4.2	Sân thể dục thể thao	2			
4.3	Nhà đa năng	0			
5	Tổng diện tích đất (m²)	18318 m ²			
6	Diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	9000 m ²			
7	Diện tích các phòng				
7.1	Diện tích phòng học (m ²)	45			

7.2	Diện tích phòng Thư viện (m ²)	45			
7.3	Diện tích phòng Ngoại ngữ	45			
7.4	Diện tích phòng Tin học	45			
8	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: Bộ)				
8.1	Tổng số TBDH TT hiện có theo quy định				
8.1.1	Khối lớp 1	373			
8.1.2	Khối lớp 2	16			
8.1.3	Khối lớp 3	17			
8.14	Khối lớp 4	16			
8.15	Khối lớp 5	0			
8.2	Tổng số TBDH TT còn thiếu so theo quy định				
8.2.1	Khối lớp 1	0			
8.2.2	Khối lớp 2	0			
8.2.3	Khối lớp 3	0			
8.2.4	Khối lớp 4	0			
8.2.5	Khối lớp 5	18			
9	Tổng số máy tính đang được sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: Bộ)	28			
10	Tổng số thiết bị dùng chung				
10.1	Ti vi	31			
10.2	Cát sét	0			
10.3	Máy chiếu	02			
10.4	Máy chiếu vật thể	02			
11	Nguồn nước sinh hoạt hợp VS	X			
12	Nguồn điện lưới	X			
13	Kết nối Internet	02			

14	Trang Thông tin điện tử(website) của trường	thtoanthang.haiphong.edu.vn			
15	Tường rào	X			

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau đánh giá:

Nhà trường đã thực hiện tự đánh giá chất lượng giáo dục theo các văn bản của Bộ Giáo dục và Đào tạo, hằng năm đều xây dựng kế hoạch và viết báo cáo cải tiến chất lượng giáo dục.

Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục mức 3 và trường chuẩn Quốc gia mức độ 2.

- Nhà trường đã thực hiện đánh giá ngoài theo các văn bản hướng dẫn và đã được Đoàn đánh giá ngoài của Sở GD&ĐT Hải Phòng về tư vấn lần 1.

- Hằng năm đều xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục để khắc phục những hạn chế nhằm đưa phong trào dạy và học của nhà trường ngày được nâng lên.
Cụ thể:

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Kết quả đánh giá

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 1	0	10	10	4
Tiêu chí 1.1	0	x	x	x
Tiêu chí 1.2	0	x	x	-----
Tiêu chí 1.3	0	x	x	x
Tiêu chí 1.4	0	x	x	x
Tiêu chí 1.5	0	x	x	-----
Tiêu chí 1.6	0	x	x	x
Tiêu chí 1.7	0	x	x	-----
Tiêu chí 1.8	0	x	x	-----
Tiêu chí 1.9	0	x	x	-----
Tiêu chí 1.10	0	x	x	-----
Tiêu chuẩn 2	0	4	4	4
Tiêu chí 2.1	0	x	x	x
Tiêu chí 2.2	0	x	x	x
Tiêu chí 2.3	0	x	x	x
Tiêu chí 2.4	0	x	x	x
Tiêu chuẩn 3	0	6	6	5

Tiêu chí 3.1	0	x	x	x
Tiêu chí 3.2	0	x	x	x
Tiêu chí 3.3	0	x	x	x
Tiêu chí 3.4	0	x	x	-----
Tiêu chí 3.5	0	x	x	x
Tiêu chí 3.6	0	x	x	x
Tiêu chuẩn 4	0	2	2	2
Tiêu chí 4.1	0	x	x	x
Tiêu chí 4.2	0	x	x	x
Tiêu chuẩn 5	0	5	5	4
Tiêu chí 5.1	0	x	x	-----
Tiêu chí 5.2	0	x	x	x
Tiêu chí 5.3	0	x	x	x
Tiêu chí 5.4	0	x	x	x
Tiêu chí 5.5	0	x	x	x

Kết quả: Đạt Mức 3

2. Kết luận: Trường đạt Mức 3

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Kế hoạch tuyển sinh vào lớp 1:

Nhà trường xây dựng kế hoạch tuyển sinh năm học 2024-2025 (Kế hoạch số 19/KH-THTH ngày 07/6/2024 của trường TH Toàn Thắng - Tiên Thắng)

Hoàn thành Báo cáo công tác tuyển sinh vào ngày 08/8/2024

** Đối tượng tuyển sinh:*

Trẻ 6 tuổi sinh năm 2018 trở về trước, trẻ em khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, trẻ em ở nước ngoài về nước. Có hộ khẩu thường trú (hoặc tạm trú) xã Toàn Thắng - Tiên Thắng huyện Tiên Lãng TP Hải Phòng và HS ở các xã lân cận.

** Chỉ tiêu tuyển sinh:* Số HS: 80 học sinh (xin bổ sung 3 chỉ tiêu); Số lớp: 03 lớp

** Thời gian tuyển sinh:*

Tuyển sinh bằng hình thức trực tuyến:

+ Triển khai thử nghiệm: Từ 10/6 đến 24/6/2024;

+ Tiến hành hiệu chỉnh và xóa dữ liệu giai đoạn chạy thử nghiệm: Từ ngày 25/6 đến đến ngày 30/6/2024;

+ Triển khai chính thức: Từ ngày 08/7 đến ngày 20/7/2024

+ Hướng dẫn phụ huynh học sinh đăng nhập Hệ thống tuyển sinh đầu cấp tại địa chỉ <http://tuyensinhdaucap.haiphong.edu.vn/> đăng ký thử nghiệm với tài khoản đã được cấp (gồm số định danh cá nhân và mật khẩu). Bộ phận hỗ trợ tuyển sinh trực tuyến các nhà trường có trách nhiệm hướng dẫn, giải đáp các vướng mắc, hỗ trợ phụ huynh học sinh trong quá trình đăng ký thử nghiệm.

Đối với các trường hợp tuyển sinh không theo tuyến (trái tuyến): Tuyển sinh bằng

hình thức trực tiếp từ ngày 22/7/2024 đến ngày 28/7/2024.

2. Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của năm học trước

- Kết quả tuyển sinh: Năm học 2023-2024 nhà trường tuyển sinh 06 lớp với tổng số học sinh là 186 em.

- Tổng số học sinh theo từng khối lớp và học 2 buổi/ngày:

Khối lớp	Số học sinh	Số lớp	Trong đó		
			HS nữ	HS Khó khăn	HS khuyết tật
1	186	6	91	6	6
2	165	5	84	12	2
3	225	7	107	6	2
4	194	6	94	2	2
5	175	5	85	6	2
Tổng	945	29	461	32	14

Số học sinh chuyển trường và tiếp nhận học sinh tại trường

Khối lớp	Số HS đầu năm	Số HS chuyển đến	Số HS chuyển đi
1	185	2	1
2	167	3	5
3	223	5	3
4	195	3	4
5	174	5	4
Toàn trường	944	18	17

2. Thống kê kết quả đánh giá theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; thống kê số lượng học sinh được lên lớp, học sinh không được lên lớp.

- Kết quả giáo dục học sinh lớp 1, lớp 2, lớp 3, lớp 4 cuối năm học 2023-2024:

Môn học	Tổng số HS lớp 1, lớp 2, 3,4	Số HS đánh giá	Hoàn thành tốt		Hoàn thành		Chưa hoàn thành	
			Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ
Toán	770	770	633	82,21%	126	16,36%	11	1,43%
Tiếng Việt	770	770	655	85,06%	103	13,38%	12	1,56%

Mỹ thuật	770	770	632	82,08%	133	17,27%	5	0,65%
Âm nhạc	770	770	666	86,49%	100	12,99%	4	0,52%
GD thể chất	770	770	633	82,21%	136	17,66%	1	0,13%
Đạo đức	770	770	636	82,60%	133	17,27%	1	0,13%
Tự nhiên - Xã hội	576	576	465	80,73%	106	18,40%	5	0,87%
Tin học và CN (Tin học)	419	419	349	83,29%	70	16,71%	0	0,00%
Tin học và Công nghệ (CN)	419	419	341	81,38%	78	18,62%	0	0,00%
HD trải nghiệm	770	770	635	82,47%	131	17,01%	4	0,52%
Tiếng Anh	770	769	610	79,32%	148	19,25%	11	1,43%
Lịch sử và địa lý	194	194	156	80,41%	38	19,59%	0	0,00%
Khoa học	194	194	158	81,44%	36	18,56%	0	0,00%

- Kết quả đánh giá năng lực của học sinh lớp 1, lớp 2, lớp 3, lớp 4 cuối năm học 2023-2024:

Năng lực		Tổng số HS lớp 1, lớp 2, 3,4	Số HS đánh giá	Tốt		Đạt		Cần cố gắng		Ghi chú
				Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	
Năng lực chung	Tự chủ và tự học	770	770	613	79,61%	147	19,09%	10	1,30%	
	Giao tiếp và hợp tác	770	770	623	80,91%	141	18,31%	6	0,78%	
	Giải quyết vấn đề và sáng tạo	770	770	605	78,57%	157	20,39%	8	1,04%	
Năng lực đặc thù	Ngôn ngữ	770	770	648	84,16%	113	14,68%	9	1,17%	
	Tính toán	770	770	611	79,35%	152	19,74%	7	0,91%	
	Khoa học	770	770	629	81,69%	136	17,66%	5	0,65%	
	Thẩm mỹ	770	770	635	82,47%	132	17,14%	3	0,39%	
	Thể chất	770	770	659	85,58%	110	14,29%	1	0,13%	
	Công nghệ	419	419	340	81,15%	79	18,85%	0	0,00%	
	Tin học	419	419	337	80,43%	82	19,57%	0	0,00%	

- Kết quả đánh giá phẩm chất học sinh lớp 1, lớp 2, lớp 3, lớp 4 cuối năm học 2023-2024:

Phẩm chất	Tổng số HS lớp 1, lớp 2, 3, 4	Số HS đánh giá	Tốt		Đạt		Cần cố gắng		Ghi chú
			Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	
Yêu nước	770	770	722	93,77%	48	6,23%	0	0,00%	
Nhân ái	770	770	712	92,47%	58	7,53%	0	0,00%	
Chăm chỉ	770	770	620	80,52%	142	18,44%	8	1,04%	
Trung thực	770	770	668	86,75%	102	13,25%	0	0,00%	
Trách nhiệm	770	770	644	83,64%	123	15,97%	3	0,39%	

Phẩm chất	Tổng số HS lớp 1, lớp 2, 3, 4	Số HS đánh giá	Tốt		Đạt		Cần cố gắng		Ghi chú
			Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	
Yêu nước	360	360	311	86.4	44	12.2	5	1.4	
Nhân ái	360	360	310	86.1	45	12.5	5	1.4	
Chăm chỉ	360	360	295	81.9	59	16.4	6	1.7	
Trung thực	360	360	303	84.2	51	14.2	6	1.7	
Trách nhiệm	360	360	299	83.1	55	15.3	6	1.7	

- Kết quả đánh giá giáo dục của học sinh đối với lớp 5 cuối năm học 2023-2024:

Môn học	Tổng số HS lớp 5	Số HS đánh giá	Hoàn thành tốt		Hoàn thành		Chưa hoàn thành	
			Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ
Toán	175	175	139	79,43%	36	20,57%		

Tiếng Việt	175	175	143	81,71%	32	18,29%		
Mỹ thuật	175	175	147	84,00%	28	16,00%		
Âm nhạc	175	175	154	88,00%	21	12,00%		
Thể dục	175	175	150	85,71%	25	14,29%		
Đạo đức	175	175	147	84,00%	28	16,00%		
Thủ công	0	0						
Kỹ thuật	175	175	146	83,43%	29	16,57%		
Tự nhiên - Xã hội	175	0						
Khoa học	175	175	143	81,71%	32	18,29%		
Lịch sử & Địa lý	175	175	142	81,14%	33	18,86%		
Tiếng Anh	175	175	140	80,00%	35	20,00%		
Tin học	175	175	143	81,71%	32	18,29%		

- Kết quả đánh giá năng lực học sinh đối với lớp 5 cuối năm học 2023 – 2024:

Năng lực	Tổng số HS lớp 5	Số HS đánh giá	Tốt		Đạt		Cần cố gắng	
			Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ
Tự phục vụ, tự quản	175	175	157	89,71%	18	10,29%		
Hợp tác	175	175	144	82,29%	31	17,71%		
Tự học và giải quyết vấn đề	175	175	139	79,43%	36	20,57%		

- Kết quả đánh giá phẩm chất học sinh đối với lớp 5 cuối năm học 2023- 2024:

Phẩm chất	Tổng số HS lớp 5	Số HS đánh giá	Tốt		Đạt		Cần cố gắng	
			Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ
Chăm học, chăm làm	175	175	141	80,57%	34	19,43%		
Tự tin, trách nhiệm	175	175	141	80,57%	34	19,43%		
Trung thực, kỷ luật	175	175	161	92,00%	14	8,00%		
Đoàn kết, yêu thương	175	175	166	94,86%	9	5,14%		

- Có 175 học sinh Hoàn thành chương trình Tiểu học và 757 học sinh hoàn thành

chương trình lớp học, được lên lớp.

- Có 13 học sinh rèn luyện lại trong hè. Sau rèn luyện lại trong hè, toàn trường có 13 học sinh ở lại lớp (trong đó lớp Một 11 em, lớp Hai 1 em, lớp Ba 1 em)

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Công khai chi tiết tài chính năm 2023

Căn cứ kế hoạch dự thu - chi năm học 2023-2024;

Căn cứ Quyết định số 27/QĐ-PGDĐT ngày 10 tháng 01 năm 2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Bạch Thông về việc phê duyệt phương án phân bổ dự toán chi ngân sách Nhà nước cho các đơn vị trường học huyện Toàn Thắng - Tiên Thắng năm 2023.

Căn cứ Quyết định số 09/QĐ-PGDĐT ngày 12 tháng 01 năm 2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Tiên Lãng về việc phân bổ dự toán chi ngân sách Nhà nước cho các đơn vị;

Căn cứ Quyết định số 56/QĐ-PGDĐT ngày 29 tháng 3 năm 2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Tiên Lãng về việc điều chỉnh phân bổ dự toán chi ngân sách Nhà nước cho các đơn vị trường học năm 2024;

Nay nhà trường thực hiện công khai quyết toán kinh phí chi tiết như sau:

***) Nguồn ngân sách: ĐVT: đồng**

1. Kết quả thu chi hoạt động

TT	Nội dung	Năm báo ngân sách 6 tháng đầu năm 2024; năm học 2023-2024	Năm trước liền kề năm báo cáo năm ngân sách 6 tháng đầu năm 2023; năm học 2022-2023
1	2	3	4
A	TỔNG SỐ THU HOẠT ĐỘNG		
I	Thu ngân sách	4.236.777.778	
II	Thu dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục		
1	Tổ chức bán trú		
1.1	Ăn bán trú	336.892.000	
1,2	Tiền mua sắm TTB phục vụ bán trú (mua sắm vật dụng chung và đồ dùng cá nhân):		
1.3	Chăm sóc bán trú (trông trưa, chăm ăn..)	81.329.200	
2	Quản lý học sinh ngoài giờ hành chính	306.642.000	
3	Dạy học 2 buổi/ngày đối với học sinh tiểu học (hỗ trợ CSVC, điện, nước)		
4	Học kỹ năng sống	77.160.000	
5	Tiền học Tiếng Anh giáo viên người nước ngoài		
6	Tiếng Anh Phonic (môn tự chọn)		
7	Nước uống cho học sinh	46.325.000	

8	Trông giữ xe cho học sinh		
9	Bảo hiểm y tế học sinh (thu, chi hộ)	11.331.135	
10	Quỹ vòng tay bè bạn (quỹ Đội)	18.550.000	
11	Đồng phục học sinh (thu, chi hộ)		
12	Khuyến học (vận động)		
B	TỔNG CHI HOẠT ĐỘNG		
I	CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC		
1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	4.618.186.222	
-	Tiền lương		
+	Lương theo ngạch bậc	1.805.792.624	
+	Lương hợp đồng theo chế độ	214.346.584	
-	Tiền công trả cho lao động hợp đồng thường xuyên theo hợp đồng	214.346.584	
+	Tiền công trả cho lao động hợp đồng thường xuyên theo hợp đồng		
-	Phụ cấp lương	1.118.639.252	
+	Phụ cấp chức vụ	45.985.828	
+	Phụ cấp làm thêm giờ		
+	Phụ cấp ưu đãi nghề	677.243.268	
+	Phụ cấp trách nhiệm	4.320.000	
+	Phụ cấp thâm niên nghề	391.090.216	
-	Tiền thưởng	20.625.000	
+	Thưởng thường xuyên	20.625.000	
+	Thưởng đột xuất		
+	Phúc lợi tập thể	151.780.000	
+	Chi khác	151.780.000	
-	Các khoản đóng góp	542.126.107	
+	Bảo hiểm xã hội	390.190.400	
+	Bảo hiểm y tế	68.122.657	
+	Kinh phí công đoàn	49.384.000	
+	Bảo hiểm thất nghiệp	22.952.880	
+	Các khoản đóng góp khác	11.476.170	
-	Các khoản thanh toán khác cho cá nhân	5.420.000	
+	Chi thu nhập tăng thêm theo cơ chế khoán tự chủ	5.420.000	
+	Chi khác		
2	Chi quản lý hành chính		
-	Thanh toán dịch vụ công cộng	86.877.611	
+	Tiền điện	38.348.341	
+	Tiền nước	4551.750	
+	Tiền khoán phương tiện theo chế độ	7.577.520	

+	Chi khác	36.400.000	
-	Vật tư văn phòng	39.730.000	
+	Văn phòng phẩm	13.420.000	
+	Mua sắm CCDC văn phòng		
+	Khoán văn phòng phẩm		
+	Vật tư văn phòng khác	26.310.000	
-	Thông tin tuyên truyền liên lạc	6.420.000	
+	Cước phí điện thoại, thuê bao đường điện thoại	1.089.000	
+	Cước phí internet	4.110.000	
+	Sach báo tạp chí thư viện		
-	Hội nghị		
+	Các khoản thuê mướn khác		
+	Chi phí khác		
-	Công tác phí	11.400.000	
+	Phụ cấp công tác phí		
+	Khoán công tác phí	11.400.000	
-	Chi phí thuê mướn	109.350.000	
+	Thuê thiết các loại	83.750.000	
+	Thuê lao động trong nước	25.600.000	
+	Chi phí thuê mướn khác		
-	Sửa chữa duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn	68.801.500	
+	Tài sản và thiết bị chuyên dùng		
+	Nhà cửa	18.793.500	
+	Các thiết bị công nghệ thông tin	31.993.000	
+	Thiết bị văn phòng		
+	Đường điện cấp thoát nước		
+	Các tài sản và công trình hạ tầng cơ sở khác		
-	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	49.709.500	
+	Chi mua hàng hóa vật tư	16.153.500	
+	Chi phí hoạt động nghiệp vụ chuyên ngành	6.216.000	
+	Chi khác	27.340.000	
-	Chi khác	1.260.000	
+	Chi các khoản phí và lệ phí	1.260.000	
+	chi các khoản khác		
3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		
-	Chi hỗ trợ và giải quyết việc làm		
+	Chi tính giản biên chế		
II	Chi dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục		
1	Tổ chức bán trú các hoạt động giáo dục		

1.1	Ăn bán trú		
1.2	Số dư năm trước chuyển sang		
1.3	Tổng số thu	336.892.000	
1.4	Tổng chi	336.892.000	
1.5	Số dư cuối năm		
1.2	Tiền mua sắm TTB phục vụ bán trú (mua sắm vật dụng chung và đồ dùng cá nhân):		
1.2.1	Số dư năm trước chuyển sang	1.938.600	
1.2.2	Tổng số thu	69.587.500	
1.2.3	Tổng chi	62.360.500	
	- trong đó chỉ mua sắm đồ dùng cá nhân, vật dụng dùng chung		
	- Chi thuê giặt chăn, gối... vệ sinh bán trú		
1.2.4	Số dư cuối năm		
2	Chăm sóc bán trú (trông trưa, chăm ăn)	3.436.198	
2.1	Tổng số thu	81.229.300	
2.2	Tổng chi	78.636.994	
	Trong đó: - Chi giáo viên trông trẻ buổi trưa		
	- Chi giáo viên chủ nhiệm		
	- Chi công tác quản lý, chỉ đạo		
	- Chi bảo vệ		
	- Chi khác: THUẾ		
2.3	Số dư cuối năm	3.392.541	
			
2.3	Quản lý trẻ/ học sinh ngoài giờ hành chính		
2.3.1	Quản lý học sinh ngoài giờ hành chính		
2.3.2	Số dư năm trước chuyển sang	3.348.330	
2.3.3	Tổng số thu	306.642.000	
2.3.4	Tổng chi	306.775.162	
	Trong đó: - Chi giáo viên quản lý học sinh sau giờ học chính thức		
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất		
	- Chi công tác quản lý, chỉ đạo		
	- Phúc lợi		
	- Chi khác		
	- THUẾ		
2.3.5	Số dư cuối năm	3.085.658	
			
3	<i>Dạy học 2 buổi/ngày đối với học sinh tiểu học (hỗ trợ CSVC, điện, nước)</i>		

3.1	Số dư năm trước chuyển sang	1.938.600	
3.2	Tổng số thu	69.587.500	
3.3	Tổng chi	62.360.500	
	- Chi Mua sắm sửa chữa CSVC		
	- Chi hỗ trợ tiền điện nước		
3.4	Số dư cuối năm		
			
4	Liên kết giáo dục: Kỹ năng sống, Tiếng Anh tăng cường, Tiếng Anh có yếu tố người nước ngoài, Tin học... (Nếu có: Liệt kê các nội dung liên kết giáo dục được thực hiện tại đơn vị, mỗi nội dung thực hiện theo bảng kê dưới đây)		
4.1	Học kỹ năng sống		
4.1.1	Số dư năm trước chuyển sang	19.426.690	
4.1.2	Tổng số thu	71.606.450	
4.1.3	Tổng chi	70.595.343	
	Trong đó: - Chi theo hợp đồng chuyển công ty 89%		
	- Chi công tác quản lý, chỉ đạo.....		
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất, khác		
	- Chi khác: chi thuế		
4.1.4	Số dư cuối năm	6.926.064	
			
4.2	Học Tiếng Anh phonic (môn tự chọn)	Không thu	
4.2.1	Số dư năm trước chuyển sang		
4.2.2	Tổng số thu		
4.2.3	Tổng chi		
	Trong đó:		
	- Chi trả công ty tiền học phí, Tiền bản quyền		
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất		
	- Chi công tác quản lý, chỉ đạo		
	- Chi phúc lợi		
	- Chi khác: THUẾ		
4.2.4	Số dư cuối năm		
4.3	Học Tiếng Anh giáo viên người nước ngoài		
4.3.1	Số dư năm trước chuyển sang		
4.3.2	Tổng số thu	311.351.750	
4.3.4	Tổng chi	308.843.250	
	Trong đó: - Chi giáo viên công tác tuyên truyền vận động thu nộp		
	- Chi trả công ty tiền học phí		
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất		
	- Chi công tác quản lý, chỉ đạo		

	- Chi phúc lợi		
	- Chi khác: THUẾ		
4.3.5	Số dư cuối năm	13.156.607	
			
5	Nước uống phục vụ học sinh		
5.1	Số dư năm trước chuyển sang		
2.2	Tổng số thu	46.325.000	
5.3	Tổng chi	46.325.000	
5.4	Số dư cuối năm		
6	Dịch vụ trông giữ xe cho học sinh		
6.1	Số dư năm trước chuyển sang		
6.2	Tổng số thu		
6.3	Tổng chi		
	Trong đó: - Chi cho người trông coi xe		
	- Chi nộp thuế thực hiện nghĩa vụ với nhà nước		
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất		
6.4	Số dư cuối năm		
	Các khoản thu theo quy định		
7	Bảo hiểm y tế học sinh (thu, chi hộ)		
7.1	Số dư năm trước chuyển sang		
7.2	Tổng số thu	12.394.355	
7.3	Tổng chi	12.394.355	
7.4	Số dư cuối năm		
8	Quỹ vòng tay bè bạn (quỹ Đội)		
8.1	Số dư năm trước chuyển sang	18.850.000	
8.2	Tổng số thu	18.850.000	
8.3	Tổng chi	24.950.000	
8.4	Số dư cuối năm	12.450.000	
9	Đồng phục học sinh (thu, chi hộ)		
9.1	Tổng số thu		
9.2	Tổng chi		
9.3	Số dư cuối năm		
10	Khuyến học (vận động)		
10.1	Số dư năm trước chuyển sang		
10.2	Tổng số thu		

10.3	Tổng chi		
10.4	Số dư cuối năm		

2. Công khai các khoản thu năm học 2023-2024

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu	Ghi chú
A. Các khoản thu năm học 2023-2024				
I. Các khoản thu theo quy định				
1	BHYT học sinh	Đồng/hs/năm	- Mức thu 15 tháng: 850.500 đ - Mức thu 14 tháng: 793.800 đ - Mức thu 13 tháng: 737.100 đồng - Mức thu 12 tháng: Đối với học sinh lưu ban lớp 1 và các khối còn lại là 680.400	Căn cứ Công văn số 2056/UBND-BHXX ngày 08/08/2023 của UBND huyện Tiên Lãng; Công văn số 230/HD-BHXX ngày 15/08/2023 của BHXH huyện Tiên Lãng.
2	Quỹ vòng tay bè bạn	Đồng/hs/năm	40.000 đ	Căn cứ Kế hoạch số 34/KH-LN ngày 12/9/2023 của Huyện đoàn- Phòng Giáo dục
II. Các khoản thu dịch vụ hỗ trợ HĐGD				Căn cứ NQ 02/2022/NQ-HĐND thành phố Hải Phòng ngày 20/7/2022.
1. Tổ chức bán trú				
1.1	Tiền ăn	Đồng/hs/ngày	- Đối với lớp 1,2; 26.000 đ gồm 1 bữa chính, 1 bữa phụ - Học sinh lớp 3,4,5: 27.000 đ; Gồm 1 bữa chính, 1 bữa phụ	Thu chi hộ
1.2	Mua sắm TTB phục vụ bán trú (mua sắm vật dụng dùng chung và đồ dùng cá nhân)	Đồng/hs/năm	Đối với học sinh lớp 1 mới tuyển; 100.000 đ Các năm tiếp theo: 50.000 đ	Thu chi hộ

2	Chăm sóc bán trú chăm ăn, trông trưa)	Đồng/HS/ngày	6.500 đ	Thu dịch vụ
3	Quản lý học sinh ngoài giờ hành chính	Đồng/hs/tiết	7.000 đ	Thu thoả thuận
4	Dạy học 2B/ngày đối với học sinh tiểu học (Hỗ trợ CSVC, điện, nước)	Đồng/hs/tháng	25.000 đ	Thu khác
5	Học kỹ năng sống	Đồng/hs/tiết	10.000 đ	Thu thoả thuận
6	Học Tiếng Anh giáo viên người nước ngoài	Đồng/hs/tiết	35.000 đ	Thu thoả thuận
7	Nước uống cho học sinh	Đồng/hs/tháng	10.000 đ	Thu chi hộ
8	Trông giữ xe đạp	Đồng/hs/tháng	20.000 đ	Thu dịch vụ

IV. Các khoản thu vận động

1	Quỹ khuyến học (vận động)	Đồng/hs/năm		Tự nguyện
---	------------------------------	-------------	--	-----------

V. Thu, chi hộ

1	Đồng phục học sinh	Đồng/hs/bộ	Đồng phục mùa hè Lớp 1; 195.000 đ Lớp 2; 200.000đ Lớp 3; 205.000 đ Lớp 4; 210.000 đ Lớp 5; 215.000 đ Đồng phục mùa đông khối 1: 180.000 đồng/áo còn các khối khác nếu có nhu cầu đăng ký với nhà may	Thu chi hộ
---	-----------------------	------------	---	------------

B. Dự kiến các khoản thu năm học 2024-2025

I	Các khoản thu theo quy định			
1	BHYT học sinh	Đồng/hs/năm	Đối với HS lớp 1 -Hạn thẻ 15 tháng mức thu: 1.105.650 đ - Hạn thẻ 14	-Căn cứ Công văn số 2269/UBND-BHXXH ngày 05/08/2024

			tháng mức thu: 1.031.940 đ - Hạn thẻ 13 tháng mức thu: 958.230 đ - Hạn thẻ 12 tháng đối với h/s lớp 1 lưu ban và các khối khác mức thu: 884.520 đồng.	<i>của UBND huyện Tiên Lãng Công văn số 290/CV-BHXX ngày 09/08/2024 của BHXH huyện Tiên Lãng</i>
2	Quỹ vòng tay bè bạn (quỹ Đội)	Đồng/hs/năm	40.000 đ	<i>Căn cứ Kế hoạch số 34/KH-LN ngày 12/9/2023 của Huyện đoàn- Phòng Giáo dục</i>
II	Các khoản thu dịch vụ hỗ trợ HĐGD			<i>Căn cứ Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của Hội đồng Nhân dân thành phố Phòng; Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 về sửa đổi, bổ sung Điều 3 Nghị quyết số 02.</i>
1	Các dịch vụ phục vụ cho hoạt động bán trú			
1.1	Phục vụ ăn bán trú	Đồng/HS/ngày	- Đối với lớp 1,2; 26.000 đ gồm 1 bữa chính, 1 bữa phụ - Học sinh lớp 3,4,5: 27.000 đ; Gồm 1 bữa chính, 1 bữa phụ	Thu, chi hộ
1.2	Phục vụ hoạt động bán trú cho cá nhân học sinh	Đồng/hs/năm	Đối với học sinh lớp 1 mới tuyển; 150.000 đ Các năm tiếp theo: 100.000 đ	Thu dịch vụ

1.3	Hỗ trợ phục vụ hoạt động chăm sóc bán trú chăm ăn, trông trưa....	Đồng/HS/ngày	6500 đ	Thu dịch vụ
1.4	Quản lý học sinh ngoài giờ hành chính	Đồng/hs/tiết	7.000 đ	Thỏa thuận thu theo số tiết thực học
2	Dịch vụ hỗ trợ cho hoạt động giáo dục dạy học 2 buổi/ngày	Đồng/hs/năm	25.000 đ	Thu khác (Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023)
3	Dịch vụ nước uống cho học sinh	Đồng/hs/tháng	10.000 đ	Thu, chi hộ
4	Dịch vụ trông giữ xe đạp	Đồng/hs/tháng	20.000 đ	Dịch vụ
III	Các khoản thu thỏa thuận			
1	Học kỹ năng sống	Đồng/hs/tiết	10.000 đ	Thỏa thuận
2	Học Tiếng Anh giáo viên người nước ngoài	Đồng/hs/tiết	35.000 đ	Thỏa thuận
IV	Đồng phục học sinh		Nhà trường thống nhất chủ trương kiểu mẫu với phụ huynh học sinh. PHHS tự đăng ký với nhà may	
V	Đối với hoạt động trải nghiệm	Tổ chức cho học sinh tham gia hoạt động trải nghiệm theo chương trình GDPT năm 2018 dự kiến từ (nhà trường tổ chức khi có văn bản của cấp có thẩm quyền cho phép tổ chức và PHHS đăng ký tham gia tự nguyện, Ban đại CMHS đồng thuận)		

VI. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

Dạy thử nghiệm chương trình Giáo dục Stem: 100% các lớp, các giáo viên xây dựng được bài giảng áp dụng phương pháp dạy Stem, cuối năm học tổ chức ngày hội Stem cấp trường và có sản phẩm tham dự ngày hội Stem cấp huyện, cấp thành phố.

Trên đây là Báo cáo kết quả thường niên năm 2024 (Kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo) của trường Tiểu học Toàn Thắng - Tiên Thắng.

Nơi nhận:

- PGD&ĐT, UBND xã Toàn Thắng, xã Tiên Thắng (Báo cáo);
- Website của trường;
- CB, GVNV, PHHS;
- Lưu: VT.

